

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:100/2017/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2017

“V/v Ly hôn giữa  
chị T và anh N”

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DANH HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Kim Loan.**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Hiền;**
2. Bà **Nguyễn Thị Kim Thúy.**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án N dân huyện Cai Lậy.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhớ** – Kiểm Sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 103/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 66/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1989 (có mặt).

HKTT: Ấp 2, xã C, huyện CL, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Hoàng N**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

HKTT: Ấp 2, xã C, huyện CL, tỉnh T.

Nơi ở hiện tại: 283F, tổ 21, khu phố III, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Trần Thị T** trình bày:

Chị và anh Lê Hoàng N cưới nhau năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CB, huyện CB, tỉnh T. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N thường xuyên say xỉn không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con kể từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống chung không còn hạnh phúc. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 11/2016 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung Lê Hoàng Bảo Y, sinh ngày 14/5/2015. Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Lê Hoàng Bảo Y. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, tờ tự khai, giấy chứng nhận kết hôn, khai sinh của con chung và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lê Hoàng N vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh N.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giao con chung tên Lê Hoàng Bảo Y, sinh ngày 14/5/2015 cho chị T nuôi dưỡng và chăm sóc, anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh N. Anh N có địa chỉ tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng N. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị T với anh Lê Hoàng N sống chung có đăng ký kết hôn năm 2015 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về yêu cầu của đương sự: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ anh chị chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường xuyên say xỉn, không lo làm ăn, thường kiếm chuyện đập phá đồ đạc trong nhà. Từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng, dù chị đã cố gắng hàn gắn và chịu đựng để mong anh N thay đổi bản thân tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Anh chị ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh N Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho chị T và anh N hàn gắn tình cảm nhưng không được. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn N không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Đối với anh Lê Hoàng N, từ lúc thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng cần thiết nhưng không thu thập được chứng cứ, tài liệu của anh N. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt không lý do, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N. Việc anh N vắng mặt cho thấy rằng anh N không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ với chị T để cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và cũng xem như anh N đã đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung Lê Hoàng Bảo Y, sinh ngày 14/5/2015. Chị T yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị T Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu Y đang sống chung với chị T, cháu đã có môi trường sống ổn định, chị T có khả năng tài chính để lo cho cháu, và lại cháu Y mới 02 tuổi cần được sự nuôi dưỡng trực tiếp của chị T. Vì vậy, căn cứ Điều 58;

Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn N và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T, giao con chung tên Lê Hoàng Bảo Y cho chị Trần Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Hoàng N được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Hoàng N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Hoàng Bảo Y, sinh ngày 14/5/2015 cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Hoàng N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Anh Lê Hoàng N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí HNST. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14251 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, chị T đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

*Nơi nhận:*

- Tòa án N dân tỉnh TG;
- VKSND H.CL;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND TT. CB;
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Kim Loan**